

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN PHÚ TÂN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN PHÚ TÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY CP ĐT VÀ PT PHÚ TÂN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1602151544

**3. Ngày thành lập:** 26/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ấp Bình Tây 1, Xã Phú Bình, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0373293200

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                    | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                           | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                      | 4390        |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                      | 4511        |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Trừ đấu giá hàng hóa                                                                                                                                                                                               | 4610        |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm<br>Trừ kinh doanh thịt động vật thuộc danh mục cấm                                                                                                                                                                                    | 4632        |
| 8.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                         | 4633        |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                       | 4649        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                          | 4659        |
| 11. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                             | 4661(Chính) |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                      | 4662        |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                  | 4663        |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                        | 4669        |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Trừ kinh doanh thịt động vật thuộc danh mục cấm, khi kinh doanh thuốc lá phải có giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp | 4711        |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Trừ kinh doanh thịt động vật thuộc danh mục cấm                                                                                                                                                      | 4722        |

|     |                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                       | 4723 |
| 19. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                            | 4730 |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                       | 4933 |
| 21. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                  | 5022 |
| 22. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                          | 5210 |
| 23. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                     | 5610 |
| 24. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                             | 5621 |
| 25. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                 | 5629 |
| 26. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                              | 5630 |
| 27. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                 | 3290 |
| 28. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                              | 3320 |
| 29. | Xây dựng nhà để ở                                                                                    | 4101 |
| 30. | Xây dựng nhà không để ở                                                                              | 4102 |
| 31. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                         | 4212 |
| 32. | Xây dựng công trình điện                                                                             | 4221 |
| 33. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                  | 4222 |
| 34. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                    | 4229 |
| 35. | Xây dựng công trình thủy                                                                             | 4291 |
| 36. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4299 |
| 37. | Phá dỡ                                                                                               | 4311 |
| 38. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312 |
| 39. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321 |
| 40. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>CAO TÀI     | Áp Bình Tây 1,<br>Xã Phú Bình,<br>Huyện Phú Tân,<br>Tỉnh An Giang,<br>Việt Nam                       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 136.000       | 1.360.000.000            | 20,000       | 352088473                                                                                                              |            |
|     |                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                      | Tổng số                            | 136.000       | 1.360.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHẠM THI<br>NGỌC LIÊN | Khu phố Vĩnh<br>Đông 1, Thị Trấn<br>Vĩnh Thuận,<br>Huyện Vĩnh<br>Thuận, Tỉnh Kiên<br>Giang, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 190.400       | 1.904.000.000            | 28,000       | 371763732                                                                                                              |            |
|     |                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                      | Tổng số                            | 190.400       | 1.904.000.000            | 28,000       |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                                    |                           |         |               |        |              |
|---|---------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | LÊ PHÁT TRUNG | 02 đường B11 KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 353.600 | 3.536.000.000 | 52,000 | 091085000097 |
|   |               |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                    | Tổng số                   | 353.600 | 3.536.000.000 | 52,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN CAO TÀI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 05/07/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 352088473

Ngày cấp: 01/10/2007

Nơi cấp: CA Tỉnh An Giang

Địa chỉ thường trú: Ấp Bình Tây 1, Xã Phú Bình, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Bình Tây 1, Xã Phú Bình, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh An Giang